

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: **527/QĐ-TTg**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **23** tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt "Chương trình quản lý nợ nước ngoài trung hạn giai đoạn 2009 - 2012"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Quyết định số 135/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng quản lý nợ nước ngoài đến năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình quản lý nợ nước ngoài trung hạn giai đoạn 2009 - 2012" (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nội vụ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Chương trình này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: QHQT, KTN, PL, ĐMDN, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). **105**



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn

CHƯƠNG TRÌNH

Quản lý nợ nước ngoài trung hạn giai đoạn 2009 - 2012

(Ban hành kèm theo Quyết định số 527 /QĐ-TTg
ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU QUẢN LÝ NỢ

1. Mục tiêu chung:

a) Đảm bảo đáp ứng được các nhu cầu về vốn của Chính phủ, của các doanh nghiệp với chi phí thấp nhất và mức rủi ro ở mức chấp nhận trong thời gian trung hạn;

b) Việc quản lý, phân bổ và sử dụng vốn vay phải đạt mục tiêu hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững, phù hợp với khả năng trả nợ và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia;

c) Khuôn khổ pháp lý và các cơ chế chính sách quản lý nợ nước ngoài cần đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường vốn trong nước và tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tham gia thị trường vốn quốc tế;

d) Cơ cấu tổ chức quản lý nợ được sắp xếp hợp lý theo lộ trình cải cách bộ máy hành chính nhà nước;

e) Các thông tin và số liệu về nợ nước ngoài cần công khai minh bạch, rõ ràng, chính xác và kịp thời;

f) Có lộ trình thực hiện hiện đại hoá công nghệ quản lý, tăng cường năng lực cán bộ, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát chỉ số nợ nước ngoài theo quy định của pháp luật, góp phần củng cố và nâng cao vị thế tài chính của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Các mục tiêu cụ thể:

a) Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2009 - 2012 đạt khoảng 40% GDP, trong đó huy động từ nguồn vốn trong nước khoảng 65% và vốn nước ngoài bổ sung, chiếm khoảng 35%. Nguồn vốn nước ngoài huy động bổ sung cho đầu tư phát triển xã hội chủ yếu được hình thành từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài qua thị trường chứng khoán, vay thương mại (kể cả phát hành trái phiếu ra nước ngoài) và kiều hối;

b) Quy mô huy động từ nguồn vốn vay nước ngoài trung và dài hạn của quốc gia tối đa giai đoạn 2009 - 2012 khoảng 25 - 27 tỷ USD, tăng khoảng 65% so với giai đoạn 2005 - 2008, tỷ lệ huy động vốn vay nước ngoài chiếm khoảng 16% so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội và khoảng 6,0% so với GDP năm 2012. Trong đó, vay nước ngoài của khu vực công (Chính phủ, các doanh nghiệp và tổ chức thuộc khu vực công) khoảng 18 - 19 tỷ USD, mức vay nước ngoài của khu vực tư nhân khoảng 7 - 8 tỷ USD;

c) Duy trì tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước bình quân trong 4 năm ở mức không quá 5% GDP và được bù đắp bằng nguồn vay trong nước khoảng 3,5% GDP, bằng nguồn vay nước ngoài của Chính phủ khoảng 1,5% GDP;

d) Tổng mức rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ giai đoạn 2009 - 2012 khoảng 11 - 12 tỷ USD, trong đó rút vốn vay ODA khoảng 7,5 - 8,0 tỷ USD, vay thương mại từ 3,5 - 4,0 tỷ USD. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ, bao gồm: sử dụng vốn vay cho cân đối ngân sách nhà nước khoảng 6,0 - 6,5 tỷ USD và cho vay lại khoảng 5,0 - 5,5 tỷ USD, kể cả các khoản vay thương mại nước ngoài của Chính phủ để đầu tư cho một số dự án trọng điểm, có hiệu quả kinh tế và khả năng trả được nợ vay nước ngoài;

đ) Duy trì nợ nước ngoài ở mức an toàn và bền vững, dư nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP; tổng nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia dưới 25% xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ, nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ dưới 12% tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm;

e) Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý nợ, công tác hạch toán kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách đối với nguồn vốn vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ, đảm bảo minh bạch, an toàn, chính xác;

g) Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra, kiểm tra, tạo chuyển biến cơ bản trong thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong việc bố trí và sử dụng các nguồn vốn vay nước ngoài;

h) Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nợ theo hướng tinh gọn, tăng cường cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nợ từ trung ương đến các địa phương, có năng lực và trình độ tốt, có phẩm chất chính trị, đạo đức trong sạch và có đủ kỹ năng vận hành công nghệ quản lý hiện đại;

i) Quản lý nợ phải thực sự góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế - tài chính sâu, rộng và có hiệu quả hơn, thực hiện tốt các cam kết tài chính với vai trò thành viên WTO, phát triển mở rộng các quan hệ hợp tác tài chính, các Hiệp định song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế.

II. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NỢ

1. Chính phủ thống nhất quản lý toàn diện nợ nước ngoài của quốc gia, bao gồm nợ nước ngoài của khu vực công và khu vực tư nhân.

2. Các thể chế chính sách phải đồng bộ, thống nhất, phân công trách nhiệm rõ ràng, quản lý có hiệu quả theo các quy chế được Chính phủ ban hành và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Đối với các chương trình, dự án đầu tư phải lấy hiệu quả kinh tế, xã hội, tài chính và môi trường làm tiêu chí hàng đầu trong việc quyết định vay vốn nước ngoài.

4. Chính phủ vay nước ngoài trên cơ sở cân đối với các nguồn vay huy động trong nước. Việc tái cơ cấu nợ của Chính phủ không được làm tăng tổng số nợ của Chính phủ.

5. Vay nước ngoài để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chủ yếu thực hiện bằng nguồn vốn ODA, phải đảm bảo tính bền vững, chỉ sử dụng cho mục tiêu đầu tư phát triển, không vay cho tiêu dùng, đảm bảo cân đối giữa vay và khả năng trả nợ, ổn định chi ngân sách nhà nước, tăng tích lũy, cân đối ngoại tệ và các cân đối vĩ mô khác của nền kinh tế.

6. Quản lý thận trọng việc vay thương mại nước ngoài và bảo lãnh của Chính phủ. Không vay thương mại nước ngoài ngắn hạn cho các mục tiêu dài hạn. Vay thương mại nước ngoài của Chính phủ chỉ được thực hiện khi các nguồn trong nước và vay ưu đãi nước ngoài không đáp ứng được nhu cầu chi đầu tư của Chính phủ.

7. Chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý hành chính các cấp và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp không được phép trực tiếp vay nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt được pháp luật hiện hành và Thủ tướng Chính phủ cho phép.

8. Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ nước ngoài do các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trực tiếp vay, trừ trường hợp được Chính phủ bảo lãnh.

9. Các khoản vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp phải nằm trong tổng hạn mức vay thương mại hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp phát hành trái phiếu quốc tế, phải có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với đề án phát hành trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp và cá nhân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10. Việc ký kết các thoả thuận vay nước ngoài của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật về ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế. Trường hợp thoả thuận giữa cấp có thẩm quyền của Việt Nam với người cho vay có quy định khác thì thực hiện theo thoả thuận với người cho vay.

11. Kết hợp chặt chẽ quản lý nợ với công tác quản lý ngân quỹ, thực hiện các biện pháp tái cơ cấu nợ (hoán đổi, đảo nợ, vay mới trả cũ...) và các phương pháp quản lý nợ hiện đại trên cơ sở phân tích danh mục nợ, phân tích bền vững nợ, nắm bắt điều kiện thị trường nhằm tái cơ cấu lại nợ nước ngoài của quốc gia, nợ Chính phủ, giảm thiểu rủi ro và chi phí, đảm bảo hạn mức an toàn về nợ nước ngoài và an ninh tài chính quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục huy động các nguồn vốn vay nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Việc huy động vốn vay nước ngoài bổ sung cho đầu tư phát triển cần gắn với hiệu quả sử dụng. Ưu tiên huy động các khoản vay dài hạn, chi phí vay thấp và mức rủi ro hợp lý để đầu tư cho các dự án có hiệu quả cao cả về kinh tế - xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tổng mức vay nước ngoài của quốc gia, giai đoạn 2009 - 2012

Đơn vị: triệu USD

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (%)	6,5	7,0	7,5	7,5
2. Tổng số dư nợ cuối kỳ	31.401	35.909	40.814	47.504
3. Tổng số dư nợ so GDP (%)	29,2	30,5	31,5	33,3
4. Nghĩa vụ trả nợ ¹	5.743	6.729	7.448	8.282
5. Lãi suất thực (%)	3,20	3,71	3,92	3,96
6. Tổng số rút vốn vay nước ngoài	9.456	10.013	10.991	13.394

2. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài.

a) Việc bố trí sử dụng các nguồn vốn vay nước ngoài phải đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu và quán triệt đầy đủ các nguyên tắc quản lý nợ. Đối với Việt Nam, tập trung ưu tiên bố trí sử dụng vốn vay nước ngoài bổ sung vốn cho đầu tư phát triển, hỗ trợ cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế và thực hiện chính sách cải cách kinh tế, xã hội và xoá đói, giảm nghèo;

¹ Kể cả các khoản vay và trả nợ nước ngoài ngắn hạn.

b) Vay nước ngoài cho cân đối ngân sách nhà nước phải được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo mức bội chi bình quân trong 4 năm không quá 5% so GDP. Từng bước chuyển đổi cách tính bội chi ngân sách nhà nước theo thông lệ quốc tế (không bao gồm số chi trả nợ gốc) không quá 3% GDP. Đồng thời xác định cơ cấu hợp lý giữa vay trong nước và ngoài nước để bù đắp bội chi, trong đó vay trong nước khoảng 3,5% GDP và vay nước ngoài khoảng 1,5% GDP, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn vay ưu đãi, không vay thương mại nước ngoài hoặc các khoản vay ngắn hạn, có lãi suất cao để sử dụng cho chi tiêu thường xuyên;

c) Tăng cường quản lý cho vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ, phân cấp và phân công trách nhiệm rạch ròi giữa các cấp ngân sách để tăng tính trách nhiệm về hiệu quả và chủ động trong sử dụng vốn vay;

d) Tiếp tục thực hiện bảo lãnh cho các khoản vay của doanh nghiệp đầu tư các dự án đầu tư của Nhà nước thuộc diện trọng điểm, các dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên, có hiệu quả, có khả năng trả nợ trực tiếp và không vượt quá hạn mức vay thương mại hàng năm. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường theo dõi, giám sát, dự báo thị trường và xử lý rủi ro đối với các khoản vay nước ngoài của các doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh;

đ) Việc vay trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp và cá nhân phải được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, nằm trong hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm đã được phê duyệt và thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Duy trì giới hạn nợ ở mức an toàn.

Trong giai đoạn trung hạn cần tiếp tục duy trì các chỉ số nợ ở mức an toàn theo các chỉ tiêu quy định tại Quyết định số 231/2006/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng và quản lý hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, giám sát tình trạng nợ nước ngoài của quốc gia, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Giá trị hiện tại của nợ nước ngoài so với GDP	< 45%
2	Giá trị hiện tại của nợ nước ngoài so với xuất khẩu	< 200%
3	Nghĩa vụ trả nợ hàng năm so với xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ	< 25%
4	Trả nợ Chính phủ so với thu ngân sách nhà nước	< 12%
5	Dự trữ ngoại hối so tổng số nợ ngắn hạn	> 200%

Tổ chức thực hiện thanh toán trả nợ nước ngoài, đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế.

Vận dụng linh hoạt các biện pháp mua lại nợ, chuyển đổi nợ tay ba, giảm nợ đặc biệt trên cơ sở nghiên cứu thận trọng các cơ chế quốc tế phù hợp có khả năng cho phép bằng cách thay đổi cơ cấu nợ để đạt được danh mục nợ tối ưu.

Có chính sách điều hành tốt kinh tế vĩ mô để tăng thu ngân sách nhà nước, tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, tăng cường dự trữ ngoại tệ để cải thiện chỉ số nợ nước ngoài và các cân đối lớn của nền kinh tế.

4. Tăng cường quản lý rủi ro và giám sát chặt chẽ nợ nước ngoài.

a) Chú trọng công tác quản lý rủi ro về nợ nước ngoài, bao gồm rủi ro về đồng tiền vay, lãi suất, tỷ giá, khả năng thanh toán, tín dụng và hoạt động để hạn chế tới mức thấp nhất chi phí vay nợ nước ngoài của quốc gia và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia;

b) Áp dụng các tiêu chuẩn giám sát nợ theo thông lệ quốc tế, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện chức năng giám sát nợ;

c) Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán việc tuân thủ pháp luật của các đơn vị sử dụng vốn vay nước ngoài, nhất là các Ban Quản lý dự án để đảm bảo hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn vay nợ nước ngoài;

d) Kiểm soát chặt chẽ nguồn vay thương mại nước ngoài của các doanh nghiệp theo cơ chế tự vay tự trả, thường xuyên phân tích và đánh giá danh mục nợ, đặc biệt là các nghĩa vụ nợ bất thường nhằm mục tiêu duy trì dài hạn tình trạng nợ ổn định và bền vững.

5. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước trong quản lý nợ nước ngoài của quốc gia.

a) Xây dựng Luật quản lý nợ công và tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát và phù hợp với thông lệ quản lý nợ quốc tế;

b) Hoàn thiện cơ chế huy động và sử dụng các khoản vay không ưu đãi của các tổ chức tài chính quốc tế, xây dựng khung pháp lý trong nước để chuẩn bị huy động các nguồn vốn này;

c) Từng bước nới lỏng các giao dịch vốn để đáp ứng xu thế hội nhập, mở rộng các quan hệ tài chính, thương mại với thế giới trên cơ sở thiết lập hệ thống quản lý chặt chẽ, kiểm soát di chuyển các dòng vốn nước ngoài, phát hiện sớm các rủi ro tiềm ẩn và có biện pháp dự phòng phù hợp, tránh xảy ra khủng hoảng nợ;

d) Nghiên cứu đề thiết lập cơ chế đăng ký vay hàng năm cho các doanh nghiệp khu vực công, thực hiện công khai hạn mức vay để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động triển khai các dự án sử dụng vốn vay;

6. Hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý nợ, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hoá và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nợ nước ngoài.

a) Nghiên cứu đề xuất mô hình đổi mới tổ chức quản lý nợ theo hướng hiện đại và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế. Tiếp tục điều chỉnh và sắp xếp lại một cách hợp lý cơ cấu tổ chức quản lý nợ trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo sự phân công đúng người, đúng việc, tránh chồng chéo, trùng lặp;

b) Cung cấp đầy đủ trang thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin, hiện đại hoá quy trình thu thập, tổng hợp, phân tích cơ cấu nợ để đáp ứng yêu cầu quản lý nợ tiên tiến, sự phát triển của thị trường vốn và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế;

c) Đẩy mạnh công tác đào tạo, tăng cường phổ biến kiến thức về quản lý nợ nước ngoài cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, các ban quản lý dự án và đơn vị sử dụng vốn vay nước ngoài.

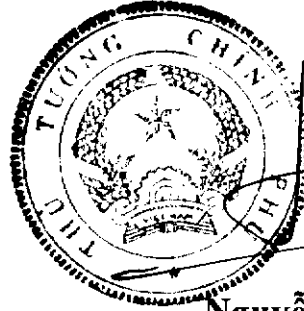
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ vào các nhiệm vụ được giao tại các văn bản Luật, Nghị định Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài hiện hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ liên quan của Chương trình.

3. Các Bộ, cơ quan Trung ương được phân công chủ trì xây dựng các Đề án trong Danh mục các đề án thực hiện Chương trình quản lý nợ nước ngoài trung hạn giai đoạn 2009 - 2012 được ban hành kèm theo Chương trình này có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn quy định./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Đề án thực hiện chương trình quản lý nợ nước ngoài trung hạn giai đoạn 2009 - 2012
(Ban hành kèm theo Quyết định số **527** /QĐ-TTg ngày **13** tháng **4** năm **2009** của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2009	2010	2011 - 2012
I. Tổ chức huy động các nguồn vốn vay nước ngoài bổ sung cho phát triển kinh tế - xã hội						
1	Chiến lược quốc gia về vay trả nợ nước ngoài 10 năm, giai đoạn 2011 - 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước			X
2	Kế hoạch vay và trả nợ 5 năm giai đoạn 2011 - 2015	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước			X
3	Đề án huy động và sử dụng vốn vay thương mại nước ngoài của khu vực công giai đoạn 2011 - 2015	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước			X
4	Định hướng vay và trả nợ đối với các đối tác chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước			X

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2009	2010	2011 - 2012
II. Quản lý và sử dụng vốn vay nước ngoài						
1	Cơ chế huy động, sử dụng và hoàn trả các khoản vay nước ngoài của các địa phương	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan			X
2	Cơ chế quản lý tài chính đối với nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan			X
III. Hoàn thiện khuôn khổ thể chế quản lý nợ						
1	Xây dựng Luật về quản lý nợ của khu vực công	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
2	Nghị định Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ và Chính phủ bảo lãnh	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
3	Nghị định Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X	
4	Nghị định về phát hành trái phiếu quốc tế	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
5	Nghị định về quản lý cấp và bảo lãnh Chính phủ đối với vay nước ngoài của các doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước		X	
6	Nghị định về cho vay lại từ nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài của Chính phủ	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		

STT	Tên Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành		
				2009	2010	2011 - 2012
7	Nghị định về chia sẻ thông tin và hệ thống chỉ tiêu đánh giá, giám sát nợ nước ngoài của quốc gia	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
8	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
9	Xây dựng cơ chế giám sát luồng tiền ra - vào	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư			X
IV. Đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nợ						
1	Xây dựng mô hình tổ chức quản lý nợ công	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước	X		
2	Cơ chế phối hợp hoạch định chính sách, quản lý và trao đổi thông tin về nợ nước ngoài của quốc gia	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước		X	
3	Đề án tăng cường trang thiết bị và đào tạo cán bộ quản lý nợ	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước			X